

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày: 21 - 6 - 2018

V/v tranh chấp Kiện đòi nợ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường.

2. Ông Đinh Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “Kiện đòi nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 và ông Phạm Thanh S, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 - Là vợ ông S (theo giấy ủy quyền ngày 20/11/2017).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Xóm B, thôn Y, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt bà L, vắng mặt ông S, ông Ng, bà H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2017, được bổ sung bằng các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Thanh S trình bày: Do vợ chồng nguyên đơn mở cửa hàng mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, nên ngày 04/10/2016, ông Ng đã đến cửa hàng của nguyên đơn đặt vấn đề mua cám chịu để chăn nuôi vịt, cá và được nguyên đơn đồng ý. Hai bên thỏa thuận về giá, số lượng từng lần lấy cám, mã số bao cám, số tiền nợ

từng ngày sẽ được ghi vào sổ ghi nợ do nguyên đơn giữ có chữ ký của ông Ng, bà H trong từng lần lấy cám, khi đó hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không lập thành văn bản. Sau khi thỏa thuận, kể từ ngày 04/10/2016 đến ngày 27/01/2017, nguyên đơn đã 22 lần bán cho vợ chồng ông Ng cám vịt, cám cá. Khi đến mua cám, ông Ng có hứa với nguyên đơn là đến hết năm 2016 (âm lịch) sẽ thanh toán đầy đủ số tiền mua cám chịu, nhưng đến ngày 27/01/2017 (tức ngày 30/12/2016 âm lịch) vợ chồng ông Ng vẫn không thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ nào. Vì vậy ngày 27/01/2017, hai bên đã chốt sổ và xác định số nợ, theo đó vợ chồng ông Ng, bà H còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền là 174.940.000đồng. Từ khi ông Ng ký nhận nợ cho đến nay nguyên đơn đã đến nhà ông Ng, bà H để đòi nợ rất nhiều lần, nhưng vợ chồng ông Ng, bà H chỉ khát lần mà không chịu thanh toán trả cho nguyên đơn một khoản nợ nào. Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Ng, bà H phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 174.940.000đồng và lãi suất quá hạn đối với khoản nợ chậm thanh toán tính từ thời điểm tháng 02/2017 (thời điểm hai bên dừng mua bán) đến tháng 9 năm 2017 (thời điểm nguyên đơn làm đơn khởi kiện) là $174.940.000\text{đồng} \times 7 \text{ tháng} \times 1\% = 12.245.800\text{đồng}$, tổng cả gốc và lãi là 187.185.800đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu một trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2018, bị đơn là bà Nguyễn Thị H xác nhận do vợ chồng bà chăn nuôi vịt, cá, nên vào thời gian trên vợ chồng bà có mua của vợ chồng ông S, bà L số thức ăn gia súc, gia cầm để chăn nuôi vịt, cá như ông S, bà L khai trên là đúng cả về số lượng và chất lượng cũng như số tiền mà chồng bà là ông Ng đã ký chốt nợ, tuy nhiên do chăn nuôi bị thua lỗ nên vợ chồng bà chưa có tiền để trả tiền mua cám cho vợ chồng ông S, bà L. Nay do kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, nên vợ chồng bà xin được tự trả dần số nợ trên cho vợ chồng ông S, bà L mà không yêu cầu Tòa án phải can thiệp.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2018, ông Ng xác nhận về thời gian, địa điểm vợ chồng ông mua cám, từng ngày vợ chồng ông lấy cám, số lượng cám, giá cả từng lần lấy cám, chữ ký từng lần lấy cám và chữ ký nhận chốt số nợ trong sổ ghi nợ gốc của bà L, ông S đúng là chữ ký của ông. Cụ thể là từ ngày 04/10/2016 đến ngày 27/01/2017, vợ chồng ông đã có 22 lần mua chịu cám vịt, cám cá của vợ chồng ông S, bà L đúng như số tiền nợ trong sổ ghi nợ gốc của bà L, ông S đã xuất trình tại Tòa án với tổng số tiền còn nợ là 174.940.000đồng. Vợ chồng ông đã khát nợ bà L, ông S đến hết năm 2016 âm lịch sẽ trả toàn bộ số tiền nợ trên là đúng, nhưng do vợ chồng ông chăn nuôi bị thua lỗ, nên đến nay vẫn chưa có tiền trả cho vợ chồng bà L, ông S khoản nợ nào. Nay vợ chồng ông xin được trả dần số nợ trên cho bà L, ông S thành ba đợt, cụ thể là: Đợt 01 trả 60.000.000đồng vào ngày 31/12/2018; đợt 2 trả 60.000.000đồng vào ngày 30/6/2019 và đợt 3 trả nốt số tiền còn lại vào ngày 31/12/2019. Lãi suất do chậm thanh toán, vợ chồng ông xin chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên và có ý kiến thay đổi, bổ sung về khoản lãi, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Ng, bà H phải chịu khoản lãi suất chậm trả tính từ ngày 28/01/2017 cho đến ngày xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 433, 434, 440, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Ng, bà H phải trả vợ chồng bà L, ông S số tiền nợ do mua cám là 174.940.000đồng và tiền lãi trên số tiền nợ gốc, tính từ ngày 28/01/2017 đến thời điểm xét xử, lãi suất theo quy định của pháp luật; án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã gửi Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho các đương sự, nhưng bên bị đơn là vợ chồng ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị H không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, nhưng bên bị đơn không đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án đã phối hợp cùng đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ đến lấy lời khai tại nhà bị đơn, sau đó đã niêm yết công khai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bên bị đơn chỉ có ông Ng có mặt, riêng bà H vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã tổng đạt hợp lệ cho đương sự, nhưng bên bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa, nhưng bên bị đơn lại tiếp tục vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vợ chồng bà L, ông S khởi kiện đòi vợ chồng ông Ng, bà H có trách nhiệm trả khoản tiền nợ do mua cám vệt, cám cá chịu, nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự; bị đơn cư trú trong địa

bản huyện Kim Bảng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch dân sự được thực hiện từ ngày 04/10/2016 đến ngày 27/01/2017. Đây là loại giao dịch dân sự được xác lập sau ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực, vì vậy cần áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo sổ ghi nợ do vợ chồng bà L xuất trình đã xác định rõ từ ngày 04/10/2016 đến ngày 27/01/2017, vợ chồng ông Ng đã có 22 lần mua chịu cám vịt, cám cá của vợ chồng bà L, ông S với tổng số tiền là 174.940.000đồng. Tại biên bản lấy lời khai bà H và tại biên bản hòa giải, bà H và ông Ng đã thừa nhận về thời gian, số lượng cám, số tiền và chữ ký của vợ chồng ông Ng ghi trong sổ ghi nợ do nguyên đơn xuất trình là đúng. Do vậy yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà L, ông S là có căn cứ, cần được chấp nhận, buộc vợ chồng ông Ng, bà H phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền mua cám còn nợ với tổng số tiền là 174.940.000đồng cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc vợ chồng bà H, ông Ng xin trả dần số nợ, nhưng bên nguyên đơn không đồng ý, nên đề nghị này của vợ chồng ông Ng, bà H không được chấp nhận.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Ng, bà H phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền lãi trên số tiền nợ gốc, kể từ ngày 28/01/2017 cho đến ngày xét xử. Bị đơn nhất trí trả lãi theo quy định của pháp luật. Nên cần buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn trên số tiền nợ gốc với thời gian là 510 ngày x 174.940.000đồng x với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là phù hợp.

[6] Về án phí: Vợ chồng ông Ng, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với các khoản tiền phải trả cho nguyên đơn gồm tiền nợ gốc chưa thanh toán và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 434, 440, 357, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Lê Văn Ng, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Thanh S số tiền nợ gốc là 174.940.000đồng, cùng số tiền lãi là

24.443.000đồng. Tổng cộng là 199.383.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Vợ chồng ông Lê Văn Ng, bà Nguyễn Thị H phải chịu 9.969.000đồng. Hoàn trả lại vợ chồng bà L, ông S số tiền 4.679.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001262 ngày 07/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành thì ngoài số tiền phải trả, bị đơn còn phải chịu khoản lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Công TTĐT của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án + văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh